

Bản án số: 106/2023/HS-ST

Ngày: 29 - 6 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nụ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 123/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 467/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn C; giới tính: N; sinh năm: 1993; tại: Tỉnh Thanh Hóa; số căn cước công dân: 038093032298; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lê Xuân P và bà Lê Thị H; có vợ: Trịnh Huỳnh N1; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2023 đến nay. (có mặt)

2. Trần Ngọc T; giới tính: Nam; sinh năm: 1991; sinh tại: Tỉnh Thanh Hóa; số căn cước công dân: 038091014784; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trần Văn D và bà Vũ Thị D1; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2023 đến nay. (có mặt)

3. Nguyễn Thế Đ; giới tính: N; sinh năm: 1983; sinh tại: Tỉnh Bắc Ninh; số căn cước công dân: 027083015178; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã V, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Không; học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Thợ mộc; con ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị N2; có vợ: Nguyễn Thị T1, có 01 người con sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 08/1999/HSST ngày 21/12/1999 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tuyên phạt Nguyễn Thế Đ 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 27/3/2000, Đ đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2023 đến nay. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Trịnh Vũ H1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số C, Tổ C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Bà Trương Thị L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

3/ Ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số C, Đường M, Khu phố F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4/ Ông Phạm V, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 13/01/2023, Lê Văn C, Trần Ngọc T và Nguyễn Thế Đ rủ nhau thuê khách sạn và mua ma túy để sử dụng chung với nhau. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, C, Đ, T thuê phòng 104 khách sạn C1, địa chỉ số E đường T, Khu phố D, phường T, Quận A. Đ là người thuê phòng. Tại đây, C, Đ và T thống nhất việc C là người liên hệ mua ma túy cho cả ba cùng sử dụng và C là người trả tiền ma túy. Đồng thời, cả ba cùng thống nhất sau khi sử dụng ma túy xong thì số tiền mua ma túy cùng tiền thuê phòng sẽ chia đều cho ba người, T và Đ sẽ trả lại tiền mua ma túy và khách sạn cho C. Sau đó, C liên hệ với người bán ma túy tên Tuấn A (chưa rõ lai lịch) thông qua tài khoản Zalo mua ma túy khay (Ketamine) và thuốc lắc với giá 3.000.000 đồng và hẹn giao ở phòng 104 khách sạn nêu trên thì Tuấn A đồng ý. Khoảng 30 phút sau, có 01 nam thanh niên (chưa rõ lai lịch) giao cho C 01 gói nylon chứa ma túy Ketamine và 01 gói nylon chứa 04 viên thuốc lắc màu nâu. Tại thời điểm C nhận ma túy thì T và Đ đều có ở phòng và nhìn thấy người thanh niên giao ma túy cho C. Mua được ma túy C, Đ, T cùng nhau lấy ma túy sử dụng mỗi người nửa viên thuốc lắc còn ma túy khay được để

trên tờ tiền 5.000 đồng rồi cả ba dùng tờ tiền 10.000 đồng cuộn tròn để sử dụng. Số ma túy khay và thuốc lắc còn lại được C, T, Đ để trên bàn và trên thành giường trong phòng 104. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày khi C, Đ, T đang ngồi trên giường sử dụng ma túy thì bị Cơ quan Công an Quận 12 kiểm tra hành chính. Do sợ bị phát hiện, Đ cất giấu nửa viên ma túy còn lại vào trong tủ còn C cất giấu 02 viên thuốc lắc và một mảnh ma túy vào trong túi quần bên phải của C đang mặc. Tại thời điểm kiểm tra, Công an Q1 phát hiện trên mặt bàn để giữa 02 giường tại vị trí C, T và Đ đang ngồi có 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng chứa chất bột màu trắng; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu ở trên cạnh giường vị trí nơi Đ và T đang ngồi; 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2000 đồng chứa mảnh vụn viên nén màu nâu cất giấu trong tủ và 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu nâu và mảnh vụn viên nén màu nâu được C cất giấu trong túi quần. Do vậy, Cơ quan điều tra Công an Q1 lập hồ sơ cùng tang vật để xử lý.

Tại kết luận giám định số 812/KL-KTHS ngày 18/01/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận: 03 gói niêm phong bên ngoài có các dấu vân tay, chữ ký của Lê Văn C, Trần Ngọc T và Nguyễn Thế Đ và hình dấu Công an phường T, Quận A. Bên trong có:

Gói 01:

01 gói nylon chứa bột màu trắng có trọng lượng là 0,1906 gam là ma túy ở thể rắn loại Ketamine;

01 gói nylon chứa tinh thể không màu có trọng lượng là 1,4865 gam là ma túy ở thể rắn loại Ketamine.

Gói 2: 01 gói nylon chứa mảnh vụn viên nén màu nâu có trọng lượng là 0,2536 gam là ma túy ở thể rắn loại MDMA.

Gói 3: 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu nâu và 01 mảnh vụn viên nén màu nâu có trọng lượng là 1,1596 gam là ma túy ở thể rắn loại MDMA.

Như vậy, Lê Văn C, Trần Ngọc T và Nguyễn Thế Đ tàng trữ 1,6771 gam ma túy ở thể rắn loại Ketamine và 1,4132 gam ma túy ở thể rắn loại MDMA.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của Lê Văn C, Trần Ngọc T và Nguyễn Thế Đ:

+ 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng chứa chất bột màu trắng (chất bột màu trắng được thu giữ bỏ vào 01 gói nylon.

+ 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

+ 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng chứa mảnh vụn viên nén màu nâu.

+ 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng.

+ 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu nâu và mảnh vụn viên nén màu nâu.

Thu giữ của Lê Văn C:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 359137270039727. Đây là điện thoại C sử dụng vào mục đích liên lạc với người bán ma túy.

+ 01 xe mô tô biển số 68L1-112.71, số khung: RLCUG0610FY148798, số máy: G3D4E161392. Qua xác minh, xe mô tô trên do anh Trịnh Vũ H1 là chủ sở hữu. Ngày 13/01/2023, anh H1 cho C mượn xe mô tô trên để đi làm. Anh H1 không biết C sử dụng xe mô tô trên vào mục đích phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an Q1 đã trả cho anh H1.

Thu giữ của Trần Ngọc T:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone bị vỡ màn hình, số imei: 355876065802385. Đây là điện thoại T sử dụng vào mục đích liên lạc cá nhân.

+ Tiền Ngân hàng N3: 900.000 đồng, là tiền T dùng để trả tiền hùn mua ma túy cho C.

+ 01 xe mô tô biển số 63B2-019.53, số khung C640AY233311, số máy: 5C64 - 233309. Qua xác minh, xe mô tô trên do bà Trương Thị L là chủ sở hữu. Năm 2020, bà L bán xe mô tô trên cho ông Trần Quốc H2, cư trú tại số E L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ngày 18/02/2020, ông H2 bán xe mô tô trên cho ông Nguyễn Minh T2, cư trú tại ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau đó, ông T2 bán xe mô tô biển số 63B2-019.53 nhưng không nhớ bán cho ai và bao nhiêu tiền. Việc mua bán xe mô tô biển số 63B2-019.53 giữa các bên không được lập hợp đồng và sang tên chủ sở hữu.

Thu giữ của Nguyễn Thế Đ:

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số imei 1: 866967042494917, số imei 2: 866967042494909. Đây là điện thoại Đ sử dụng để liên lạc với người thân.

+ 01 xe mô tô biển số 54H4-2324, số khung Y-701280, số máy JF24E-0304550. Qua xác minh, xe mô tô trên do ông Huỳnh Văn Đ1 đứng tên sở hữu. Qua làm việc, ông Đ1 đứng tên xe mô tô trên giùm cho em rể tên Phạm Vương. Năm 2018, ông V bán xe mô tô trên cho Nguyễn Thế Đ. Việc mua bán không được ông V và Đ lập hợp đồng mua bán và sang tên chủ sở hữu theo quy định.

Tại Cáo trạng số 108/CT-VKS-Q.12 ngày 16/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Lê Văn C, Trần Ngọc T, Nguyễn Thế Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Nguyễn Văn Q là chủ và cũng là quản lý của khách sạn C1 không biết việc Lê Văn C, Trần Ngọc T và Nguyễn Thế Đ thuê phòng nhằm mục đích sử dụng ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra Công an Q1 không xử lý anh Q là có căn cứ.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo Lê Văn C, Trần Ngọc T, mỗi bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 13/01/2023, tại phòng 104 khách sạn C1, địa chỉ số E đường T, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Văn C, Trần Ngọc T và Nguyễn Thế Đ đã bị Công an kiểm tra và thu giữ 1,6771 gam ma túy ở thể rắn loại Ketamine và 1,4132 gam ma túy ở thể rắn loại MDMA nhằm mục đích sử dụng. Số ma túy này là của C, T và Đ hùn tiền mua cùng sử dụng. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn, nhất thời, không có tổ chức.

[4] Xét thấy, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy, hành vi của các bị cáo không có thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử không phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn Q, là chủ và cũng là quản lý của khách sạn C1 không biết việc Lê Văn C, Trần Ngọc T và Nguyễn Thế Đ thuê phòng nhằm mục đích sử dụng ma túy, Cơ quan điều tra Công an Q1 không có căn cứ xử lý nên không đề cập giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

[7.1] Đối với vật chứng Cơ quan điều tra Công an Q1 đã xử lý thì không đề cập giải quyết.

[7.2] 03 gói ma túy được niêm phong vụ 169/23 là vật cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.3] Số tiền 17.000 đồng thu giữ của các bị cáo; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 359137270039727 thu giữ của Lê Văn C; số tiền 900.000 đồng thu giữ của Trần Ngọc T - liên quan đến việc mua và sử dụng ma túy nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.4] Thu giữ của Trần Ngọc T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone bị vỡ màn hình, số imei: 355876065802385 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho T theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.5] 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số imei 1: 866967042494917, số imei 2: 866967042494909 và 01 xe mô tô biển số 54H4-2324, số khung Y-701280, số máy JF24E-0304550 thu giữ của Nguyễn Thế Đ. Qua xác minh, xe mô tô trên do ông Huỳnh Văn Đ1 đứng tên sở hữu. Qua làm việc, ông Đ1 đứng tên xe mô tô trên giùm cho em rể tên Phạm Vương. Năm 2018, ông V bán xe mô tô trên cho Nguyễn Thế Đ. Xét thấy, các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Đ theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.8] 01 xe mô tô biển số 63B2-019.53, số khung C640AY233311, số máy: 5C64 – 233309 thu giữ của Trần Ngọc T. Qua xác minh, xe mô tô trên do bà Trương Thị L là chủ sở hữu. Năm 2020, bà L bán xe mô tô trên cho ông Trần Quốc H2. Ngày 18/02/2020, ông H2 bán xe mô tô trên cho ông Nguyễn Minh T2. Sau đó, ông T2 bán xe mô tô biển số 63B2-019.53 nhưng không nhớ bán cho ai và bao nhiêu tiền. Việc mua bán xe mô tô biển số 63B2-019.53 giữa các bên không được lập hợp đồng và sang tên chủ sở hữu. Xét thấy, xe không rõ chủ sở hữu và không liên quan đến hành vi sử dụng ma túy nên Giao cho Cơ quan thi hành án

dân sự có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu chiếc xe trên trong thời hạn 01 năm. Hết thời hạn mà không xác định được chủ sở hữu thì trả lại chiếc xe cho Trần Ngọc T.

[8] Về án phí: Theo Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn C, Trần Ngọc T, Nguyễn Thế Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 58, 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 02 (hai) năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 13/01/2023.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 03 gói ma túy được niêm phong vụ 169/23.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 917.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 359137270039727.

Trả lại bị cáo Trần Ngọc T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone bị vỡ màn hình, số imei: 355876065802385.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thế Đ: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số imei 1: 866967042494917, số imei 2: 866967042494909 và 01 xe mô tô biển số 54H4-2324, số khung Y-701280, số máy JF24E-0304550.

Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu 01 xe mô tô biển số 63B2-019.53, số khung: C640AY233311, số máy: 5C64 – 233309, trong thời hạn 01 năm. Hết thời hạn mà không xác định được chủ sở hữu thì trả chiếc xe nêu trên cho bị cáo Trần Ngọc T.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 79/QĐ-VKS ngày 16/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Quận 12; (2)
- Chi cục THADS Quận 12; (1)
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- Phòng hồ sơ NVCS (PC.53); (1)
- Công an Quận 12; (6)
- Thi hành án hình sự; (12)
- Bị cáo; (3)
- Những người tham gia tố tụng khác; (4)
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (2) (34)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp